

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường  
đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc đề nghị thông qua quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; báo cáo thẩm tra số 55/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất quy định mức thu, quản lý, sử dụng tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, như sau:

1. Mức thu phí:

a) Đối với trường hợp có đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ:

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là 5% (năm phần trăm) trên giá bán 1m<sup>3</sup> (một mét khối) nước sạch sử dụng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

b) Đối với trường hợp không có đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ:

Thu 5% giá bán  $1\text{m}^3$  nước sạch trung bình tại xã, phường, thị trấn đối với lượng nước khoán hàng tháng của hộ cho từng địa điểm (hoặc trên lượng nước thải tự kê khai của các tổ chức, cơ sở kinh doanh, dịch vụ có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn). Cụ thể:

- Khu vực nội ô thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc: Khoán  $4\text{m}^3/\text{tháng}/\text{hộ}$ .

- Khu vực ngoại ô thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc: Khoán  $3\text{m}^3/\text{tháng}/\text{hộ}$ .

- Khu vực thị xã Hồng Ngự, các huyện còn lại: Khoán  $2\text{m}^3/\text{tháng}/\text{hộ}$ .

- Đối với các tổ chức tự khai thác nước ngầm không có đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ thì tổng lượng nước thải ra theo số lượng tự kê khai do UBND xã, phường, thị trấn xác nhận ( $\text{m}^3$ ).

- Đối với các cơ sở kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước ngầm không có đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ thì Tổng lượng nước thải ra theo số lượng tự kê khai căn cứ vào quy mô hoạt động kinh doanh, dịch vụ và được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận ( $\text{m}^3$ ).

2. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được:

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là khoản thu thuộc Ngân sách nhà nước, số tiền phí thu được trích như sau:

a) Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường đô thị tổ chức thu: Trích 10% trên số tiền phí thu được để lại cho đơn vị sử dụng cho công tác thu phí; phần còn lại 90% nộp vào ngân sách huyện, thị, thành phố trên địa bàn thu phí.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (nơi có hệ thống cấp nước sạch), tổ chức thu từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh khai thác nước để bán cho các hộ dân (ngoài Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường đô thị): căn cứ tiền phí ghi trên hoá đơn bán nước sinh hoạt của các đối tượng, và số tiền phí bảo vệ môi trường phải nộp (đối với tổ chức, cá nhân tự khai thác sử dụng) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức thu tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt. Tiền phí thu được để lại cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn 15% để sử dụng cho công tác tổ chức thu phí; phần 85% còn lại nộp vào ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn thu phí.

c) Toàn bộ số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được trích để lại theo quy định trên, đơn vị thu phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo quy định.

3. Các nội dung còn lại thực hiện đúng quy định của Nghị định số 25/2013/NĐ-CP và thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT.

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 39/2005/NQ-HĐND.K7 ngày 16 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa VIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2013 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- UBND, VPCP (I,II);
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban chỉ đạo Tây nam bộ;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VP.



**CHỦ TỊCH**

**Lê Vĩnh Tân**